

Bản án số: 193/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06-12-2022

V/v Không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chính

2. Ông Trần Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới B, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới B, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 416/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 249/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1974, có mặt

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1974, có yêu cầu vắng mặt
Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 01/11/2022, biên bản hòa giải ngày 23/11/2022 và tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Bà M và ông B tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1990, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cự cãi, hiện tại đã sống ly thân 02 năm nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, bà M yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông B.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Mộng N, sinh năm 1990 và

Nguyễn Minh P, sinh năm 1993, đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

* Tại biên bản hòa giải ngày 23/11/2022 ông Nguyễn Thanh B trình bày:

Ông B thống nhất với lời trình bày của bà M về các vấn đề hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Do quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn nên ông cũng thống nhất ly hôn theo yêu cầu của bà M.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Mộng N, sinh năm 1990 và Nguyễn Minh P, sinh năm 1993, đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, ông xác định do ông đi làm xa ở thành phố Hồ Chí Minh, đi lại khó khăn nên ông xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, bà M giữ nguyên trình bày và yêu cầu như đã nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Huỳnh Thị M khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh B. Do ông bà chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc không công nhận vợ chồng; Ông B có địa chỉ tại ấp 5, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, ông B có yêu cầu xin vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông B theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà M và ông B tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông bà

chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống ông bà có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Mặc khác, bà M và ông B đều thống nhất chấm dứt mối quan hệ hôn nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình không công nhận bà Huỳnh Thị M và ông Nguyễn Thanh B là vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà M và ông B có 02 con chung tên Nguyễn Mộng N, sinh năm 1990 và Nguyễn Minh P, sinh năm 1993, đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Ông B và bà M tự thỏa thuận. Nợ chung: Không có, không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Huỳnh Thị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 14, Điều 53 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Huỳnh Thị M và ông Nguyễn Thanh B là vợ chồng.

2. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị M phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 01 tháng 11 năm 2022 bà M có nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003110 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới B, tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Bà M có quyền có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông B vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới B;
- Chi cục THADS huyện Thới B;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Bảo Trâm